TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/3/2022.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm A**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần D,

2/ Bà Đỗ Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy M – T ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy N-Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố C xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 về viêc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Anh T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố C.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: phường A, quận N, thành phố C.

(Tất cả các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đonb à Lê Thị Anh T trình bày:

Vào năm 2011 bà và ông Nguyễn Nhật T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển 01/2011 vào ngày 29/01/2011. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn càng trầm trọng vào thời điểm bà sinh non 02 con, cả 02 con đều mất.

Sau khi kết hôn ông bà sống cùng với gia đình ông T, do sức khỏe yếu không thể sinh con tiếp tục nên bà bị gia đình chồng nhiều lần trì chiết nhưng ông T không quan tâm chia sẻ với bà, cuộc sống của bà ngày càng bế tắc luôn mang tâm trạng lo sợ hoang mang. Ngoài ra, bà cũng phát hiện ông T không chung thủy, ông có liên hệ với người phụ nữ khác nên bà T đã rời khỏi nhà của ông T từ tháng 7/2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa không còn, hôn nhân không thể hàn gắn với nhau nên bà T kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Nhật T trình bày: Ông và bà Lê Thị Anh T tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn. Ông không đồng ý ly hôn do mâu thuẫn của ông bà chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được tiến hành các thủ tục tố tụng và hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đương sự giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa, thống nhất theo thủ tục tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tài sản chung đương sự có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét quan hệ pháp luật đây là vụ án xin ly hôn, đương sự có đăng ký kết hôn hợp pháp được pháp luật công nhận và điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[1] Bà Lê Thị Anh T khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Nhật T, nguyên đơn cho rằng đã suy nghĩ thật kỹ và nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên cương quyết ly hôn mong Tòa án chấp nhận.

Phía ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương hướng để hòa giải đoàn tụ hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc và bền vững phải được xây dựng trên sự yêu thương, tôn trọng và tin tưởng của cả hai phía vợ và chồng. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án bà T cương quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không chứng minh được tình cảm của bà dành cho bà T, không thuyết phục được bà T để vợ chồng đoàn tụ, cho thấy hôn nhân của ông bà không đạt được mục đích, không thể hàn gắn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích, động viên các bên đoàn tụ gia đình nhưng bà T cương quyết ly hôn, phía ông T có thái độ không tôn trọng Hội đồng xét xử, coi thường pháp luật, ông T không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí trong việc thuyết phục bà T để hàn gắn hạnh phúc gia đình, do vậy việc xin ly hôn của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, 147, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.
Điều 51,56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Anh T được ly hôn với ông Nguyễn Nhật T.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000(*ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí thành tiền án phí, đương sự đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận N, TPCT;
- Chi cục THA dân sự quận N, TPCT;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (hs, Vp, Ltds)

Phạm A